

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thủy.

Bà Nguyễn Thị Di.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102B/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 65B/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1977. (có mặt)

Địa chỉ: số 179A thôn 7, xã G, huyện D, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Y, sinh năm: 1978. (vắng mặt).

Địa chỉ: K19 tổ 2, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Văn Y chung sống với nhau vào năm 1998, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh B. Sau khi cưới bà H và ông Y chung sống tại xã T, huyện Đ, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, do đó bà H và ông Y đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay ông Y sinh sống ở xã T còn

bà H về huyện D, tỉnh L sinh sống, trong thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm lẫn nào, hiện nay không còn quan hệ với nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà H không còn tình cảm với ông Y nữa nên yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Bà H xác định, bà H và ông Y có 02 người con chung là Trần Thị Ngọc T, sinh ngày: 28/11/1998 và Trần Ngọc S, sinh ngày: 17/5/2000 (đã chết năm 2010), cháu T hiện nay đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Trần Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không chấp hành. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đối với ông Trần Văn Y tại nơi ông Y đang sinh sống là: K19 tổ 2, ấp P, xã T, huyện Đ, tỉnh B, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ và Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền phát biểu về quá trình giải quyết vụ án: Về tố tụng: Xác định việc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX và nguyên đơn tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không chấp hành. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: có 02 người con chung là Trần Thị Ngọc T, sinh ngày: 28/11/1998 và Trần Ngọc S, sinh ngày: 17/5/2000 (đã chết năm 2010), cháu T hiện nay đã trên 18 tuổi, nên không xem xét; Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Y, ông Y hiện đang sinh sống tại huyện Long Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Y được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt ông Y theo Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Văn Y tự nguyện chung sống vào năm 1998, đến năm 2002 đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân giữa H và ông Y là hợp pháp. Theo bà H, vợ chồng chung hạnh phúc đến khoảng năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, bà H và ông Y đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay mà không còn quan hệ về tình cảm cũng như về kinh tế. Hội đồng xét xử thấy rằng, Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, đồng thời có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã mời bà H và ông Y làm việc để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông Y không có mặt, điều

này cho thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông Y là có thật và trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương tôn trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để cho bà H ly hôn với ông Y.

[2.2] Về con chung: Bà H xác định, bà H và ông Y có 02 người con chung là Trần Thị Ngọc T, sinh ngày: 28/11/1998 và Trần Ngọc S, sinh ngày: 17/5/2000 (đã chết năm 2010), cháu T hiện nay đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Văn Y.

2. Về con chung: Bà H và ông Y có 02 người con chung là Trần Thị Ngọc T, sinh ngày: 28/11/1998 và Trần Ngọc S, sinh ngày: 17/5/2000 (đã chết năm 2010), cháu T hiện nay đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, nên không xét đến.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0008822 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, bà H đã nộp đủ. Ông Trần Văn Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2022), các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Long Điền;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh BRVT;
- Chi cục THADS H.Long Điền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ngọc Dung

